

Số: /QLD-VP
V/v hướng dẫn kiểm tra, đánh giá
việc thực hiện các quy định quản lý
nhà nước về dược, mỹ phẩm năm 2024

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

Kính gửi: Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Thực hiện Quyết định số 4369/QĐ-BYT ngày 23/9/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành quy định về nội dung và thời gian kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các quy định quản lý nhà nước về dược, mỹ phẩm; Cục Quản lý Dược hướng dẫn việc tổ chức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các quy định quản lý nhà nước về dược và mỹ phẩm tại địa phương năm 2024 như sau:

1. Đối tượng và nội dung kiểm tra: Thực hiện theo quy định tại Mục I Quy định về nội dung và thời gian kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các quy định quản lý nhà nước về dược, mỹ phẩm ban hành kèm theo Quyết định số 4369/QĐ-BYT.

2. Bảng điểm kiểm tra: Cục Quản lý Dược xin gửi kèm theo Bảng điểm kiểm tra công tác quản lý nhà nước về dược, mỹ phẩm tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2024.

3. Tổ chức thực hiện:

3.1. Thời gian tổ chức kiểm tra, đánh giá: Thực hiện theo quy định tại Mục II Quy định về nội dung và thời gian kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các quy định quản lý nhà nước về dược, mỹ phẩm ban hành kèm theo Quyết định số 4369/QĐ-BYT; đảm bảo hoàn thành trước 25/12/2024.

3.2. Cách tính điểm và đánh giá xếp loại theo Bảng điểm:

a) Bảng điểm chuẩn:

- Tổng số điểm chuẩn: 100 điểm.

- Tổng số điểm phạt: 04 điểm.

- Tổng số điểm thưởng: 04 điểm.

b) Cách tính điểm:

- Điểm chuẩn thực tế: là điểm chuẩn đã trừ điểm những nội dung có trong Bảng điểm mà địa phương không có đối tượng áp dụng.

- Điểm chấm: Theo hướng dẫn chi tiết tại Bảng điểm.

- Điểm phạt: Theo hướng dẫn chi tiết tại Bảng điểm.

- Điểm thưởng: Theo hướng dẫn chi tiết tại Bảng điểm.

- Điểm kiểm tra = Tổng điểm chấm - Tổng điểm phạt + Tổng điểm thưởng.

c) Đánh giá, xếp loại:

- Tổng số điểm kiểm tra đạt từ 90% trở lên so với điểm chuẩn thực tế: Xếp loại xuất sắc.

- Tổng số điểm kiểm tra đạt từ 80% đến 89% so với điểm chuẩn thực tế: Xếp loại tốt.

- Tổng số điểm kiểm tra đạt từ 65% đến 79% so với điểm chuẩn thực tế: Xếp loại khá.

- Tổng số điểm kiểm tra đạt từ 50% đến 64% so với điểm chuẩn thực tế: Xếp loại trung bình.

- Tổng số điểm kiểm tra đạt dưới 50% so với điểm chuẩn thực tế: Xếp loại kém.

3.3. Cục Quản lý Dược khuyến khích Sở Y tế chủ động liên hệ để kiểm tra chéo giữa các Sở Y tế nhằm tăng cường công tác phối hợp, trao đổi, học tập kinh nghiệm, nâng cao năng lực, kỹ năng trong công tác quản lý nhà nước.

Các Sở Y tế sau khi thống nhất kế hoạch kiểm tra chéo báo cáo về Cục Quản lý Dược để Cục Quản lý Dược cử cán bộ tham gia (nếu có).

3.4. Cục Quản lý Dược đề nghị Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai tổ chức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các quy định quản lý nhà nước về dược, mỹ phẩm năm 2024 theo đúng quy định; báo cáo kết quả thực hiện theo Biểu mẫu 01, 02 ban hành kèm Quyết định số 4369/QĐ-BYT và Bảng điểm tự kiểm tra về Cục Quản lý Dược **trước 25/12/2024** để tổng hợp.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các đơn vị liên hệ với Cục Quản lý Dược để được giải đáp theo địa chỉ:

Văn phòng Cục Quản lý Dược:

Địa chỉ: 138A Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội.

Điện thoại: 024. 37366483 - Fax: 024. 38234758.

Nội dung bảng điểm, biểu mẫu và các văn bản hướng dẫn, các đơn vị có thể tham khảo tại Website của Cục Quản lý Dược: <http://www.dav.gov.vn> (Mục công tác dược địa phương).

Tài liệu gửi kèm:

- Quyết định số 4369/QĐ-BYT ngày 23/9/2019.

Cục Quản lý Dược thông báo để các đơn vị biết và triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Đào Hồng Lan (để b/c);
- Các đ/c Thứ trưởng (để b/c);
- Cục Quản lý Khám chữa bệnh, Thanh tra Bộ, Cục Quản lý Y Dược cổ truyền (để p/h);
- Cục Y tế (Bộ Công an), Cục Quân y (Bộ Quốc phòng), Cục Y tế Giao thông vận tải (Bộ GTVT);
- Website Cục Quản lý Dược;
- Lưu: VT, VP.

CỤC TRƯỞNG

Vũ Tuấn Cường

Phụ lục

**BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ DƯỢC, MỸ PHẨM NĂM 2024**

(Kèm theo Công văn số /QLD-VP ngày tháng năm 2024 của Cục Quản lý Dược)

Mục	Nội dung chấm điểm	Điểm chuẩn	Điểm SYT chấm	Điểm đoàn KT chấm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	Công tác quản lý nhà nước tại Sở Y tế:	26			
1	Công tác tổ chức triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật và các quy định về quản lý dược và mỹ phẩm	4			
1.1	Công tác xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành dược tại địa phương và việc tổ chức triển khai thực hiện sau khi được UBND tỉnh, thành phố (sau đây gọi tắt là tỉnh) phê duyệt (Triển khai Quyết định số 1165/QĐ-TTg ngày 09/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ): - Có xây dựng kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển ngành dược tại địa phương và đã triển khai thực hiện: 1 điểm - Có xây dựng kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển ngành dược tại địa phương nhưng chưa bố trí kinh phí và hoặc chưa triển khai thực hiện: 0,5 điểm - Không có bản kế hoạch: 0 điểm * Kiểm tra văn bản: Kế hoạch được UBND tỉnh, thành phố phê duyệt, văn bản triển khai thực hiện Kế hoạch của Sở Y tế	1			
1.2	Xây dựng Kế hoạch của Sở Y tế triển khai công tác quản lý dược và mỹ phẩm năm 2024: - Có Kế hoạch: 1 điểm - Không có Kế hoạch: 0 điểm * Kiểm tra bản Kế hoạch công tác dược, mỹ phẩm năm 2024 của Sở Y tế	1			
1.3	Ban hành hoặc tham mưu trình UBND (Chủ tịch UBND) tỉnh ban hành theo thẩm quyền các văn bản quản lý về dược và mỹ phẩm theo yêu cầu quản lý của Bộ Y tế và UBND tỉnh (nếu có) - Ban hành đủ: 1 điểm - Ban hành không đủ: 0.5 điểm	1			

Mục	Nội dung chấm điểm	Điểm chuẩn	Điểm SYT chấm	Điểm đoàn KT chấm	Ghi chú
	- Không ban hành: 0 điểm *Kiểm tra văn bản Sở Y tế ban hành hoặc UBND tỉnh, thành phố ban hành.				
1.4	Ban hành hoặc tham mưu cho UBND tỉnh ban hành các văn bản về tăng cường quản lý nhà nước về dược, mỹ phẩm trên địa bàn: - Mỗi văn bản: 0.5 điểm, tổng số không quá 1 điểm - Không có văn bản: 0 điểm *Kiểm tra các văn bản Sở Y tế ban hành hoặc UBND tỉnh, thành phố ban hành.	1			
2	Công tác phối hợp xây dựng, phổ biến, tập huấn văn bản QPPL, Đề án	5			
2.1	Tham gia góp ý dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật, Đề án, Chiến lược trong lĩnh vực dược, mỹ phẩm: - Góp ý đầy đủ các văn bản được gửi xin ý kiến: 1 điểm. - Mỗi văn bản không có ý kiến góp ý trừ 0.25 điểm (tổng số điểm bị trừ không quá 1 điểm)	1			
2.2	Phổ biến, triển khai của Sở Y tế đối với các văn bản quy phạm pháp luật và các quy định về quản lý dược và mỹ phẩm - Có văn bản phổ biến: 1 điểm. - Không có văn bản phổ biến: 0 điểm. * Kiểm tra Văn bản triển khai, phổ biến của Sở Y tế	1			
2.3	Phổ biến kịp thời: - Phổ biến kịp thời và triển khai theo đúng hiệu lực của văn bản: 1 điểm - Có phổ biến nhưng chưa kịp thời: mỗi văn bản trừ 0.25 điểm, tối đa không quá 1 điểm - Không phổ biến: 0 điểm * Kiểm tra hồ sơ, văn bản lưu tại Sở Y tế	1			
2.4	Tập huấn cho đủ loại đối tượng quản lý có liên quan: <i>(Cán bộ dược liên quan thuộc các phòng của Sở Y tế; Cán bộ dược của phòng y tế quận, huyện; Lãnh đạo các khoa dược bệnh viện; Lãnh đạo, người phụ trách chuyên môn của các cơ sở sản xuất kinh doanh dược, mỹ phẩm)</i> - Tập huấn đủ loại đối tượng: 1 điểm	1			

Mục	Nội dung chấm điểm	Điểm chuẩn	Điểm SYT chấm	Điểm đoàn KT chấm	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Tập huấn không đủ loại đối tượng: mỗi loại đối tượng trừ 0.25 điểm, tối đa không quá 1 điểm * Tùy thuộc vào lĩnh vực quản lý quy định loại đối tượng được tập huấn; * Kiểm tra hồ sơ, văn bản lưu tại Sở Y tế 				
2.5	<p>Tham gia tập huấn, hội nghị triển khai nhiệm vụ công tác dược, mỹ phẩm do Bộ Y tế tổ chức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tham gia đầy đủ: 1 điểm. - Tham gia không đầy đủ: mỗi cuộc trừ 0,2 điểm, tối đa không quá 1 điểm. * Kiểm tra Quyết định cử cán bộ đi công tác, thanh toán công tác phí, danh sách tham dự tập huấn, hội nghị. 	1			
3	Công tác tổ chức thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về việc thực hiện các quy định quản lý về dược, mỹ phẩm	6			
3.1	<p>Xây dựng Kế hoạch thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định quản lý nhà nước về lĩnh vực dược, mỹ phẩm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có Kế hoạch thanh tra, kiểm tra và được ban hành trước ngày 15/12 năm trước: 1 điểm - Có Kế hoạch thanh tra, kiểm tra và được ban hành sau ngày 15/12 của năm trước: 0,5 điểm - Không có Kế hoạch thanh tra, kiểm tra: 0 điểm * Kiểm tra bản Kế hoạch 	1			
3.2	<p>Tổ chức thanh tra, kiểm tra theo Kế hoạch:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện theo đúng Kế hoạch: 1 điểm - Thực hiện không đúng Kế hoạch: 0.5 điểm - Không thực hiện: 0 điểm * Kiểm tra biên bản thanh tra, kiểm tra 	1			
3.3	<p>Báo cáo kết quả thanh tra, kiểm tra:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có đủ báo cáo tổng kết của các đợt thanh tra, kiểm tra: 1 điểm - Không đủ, mỗi đợt không tổng kết trừ 0.25 điểm, tổng số điểm trừ không quá 1 điểm - Không tổng kết: 0 điểm *Kiểm tra bản báo cáo tổng kết từng đợt thanh tra, kiểm tra 	1			

Mục	Nội dung chấm điểm	Điểm chuẩn	Điểm SYT chấm	Điểm đoàn KT chấm	Ghi chú
3.4	Công khai kết luận thanh tra theo đúng quy định: - Đúng quy định: 1 điểm - Không đúng quy định: 0 điểm	1			
3.5	Công tác xử lý vi phạm sau thanh tra, kiểm tra: - Xử lý theo quy định: 1 điểm - Có từ 01 trường hợp xử lý sai quy định hoặc không xử lý trong trường hợp có vi phạm: 0 điểm * Kiểm tra biên bản và quyết định lưu tại Sở Y tế	1			
3.6	Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo về dược, mỹ phẩm: Tổ chức xem xét, giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến lĩnh vực dược, mỹ phẩm: - Giải quyết đúng thẩm quyền, đúng thời gian quy định: 1 điểm - Giải quyết đúng thẩm quyền, không đúng thời gian quy định: Mỗi vụ việc trừ 0.25 điểm, tổng số điểm trừ không quá 1 điểm Điểm phạt: Trừ 1 điểm (-1) đối với trường hợp không giải quyết hoặc giải quyết sai thẩm quyền * Kiểm tra sổ giải quyết theo dõi khiếu nại, tố cáo	1			
4	Chỉ đạo các đơn vị tăng cường sử dụng thuốc sản xuất trong nước - Có văn bản chỉ đạo: 1 điểm - Không có văn bản chỉ đạo: 0 điểm * Kiểm tra văn bản lưu tại Sở Y tế	1			
5	Chỉ đạo, hướng dẫn chuyên môn đối với Phòng Y tế quận, huyện về công tác dược, mỹ phẩm trên địa bàn: - Có văn bản chỉ đạo, hướng dẫn: 1 điểm - Không có văn bản chỉ đạo, hướng dẫn: 0 điểm * Kiểm tra văn bản lưu tại Sở Y tế	1			
6	Công tác cấp giấy phép, tiếp nhận công bố liên quan đến dược, mỹ phẩm	7			
6.1	Tổ chức tiếp nhận, giải quyết hồ sơ đề nghị xác nhận nội dung thông tin thuốc theo hình thức hội thảo giới thiệu thuốc, hồ sơ quảng cáo mỹ phẩm:	0.5			

Mục	Nội dung chấm điểm	Điểm chuẩn	Điểm SYT chấm	Điểm đoàn KT chấm	Ghi chú
	- Đúng quy định: 0.5 điểm - Không đúng quy định: 0 điểm * Kiểm tra hồ sơ lưu tại Sở Y tế				
6.2	Tổ chức tiếp nhận, giải quyết hồ sơ kê khai lại giá thuốc sản xuất trong nước: - Đúng quy định: 0.5 điểm - Không đúng quy định: 0 điểm * Kiểm tra hồ sơ lưu tại Sở Y tế	0.5			
6.3	Tổ chức tiếp nhận, giải quyết hồ sơ công bố mỹ phẩm theo phân cấp: - Đúng quy định: 1 điểm - Không đúng quy định: 0 điểm * Kiểm tra hồ sơ lưu tại Sở Y tế	1			
6.4	Tổ chức tiếp nhận, giải quyết hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm: - Đúng quy định: 1 điểm - Không đúng quy định: mỗi hồ sơ sai bị trừ 0.25 điểm, tổng số điểm bị trừ không quá 1 điểm * Kiểm tra hồ sơ lưu tại Sở Y tế	1			
6.5	Tổ chức tiếp nhận, giải quyết hồ sơ đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề dược - Đúng quy định: 1 điểm - Không đúng quy định: mỗi hồ sơ sai bị trừ 0.25 điểm (tổng số điểm bị trừ không quá 1 điểm) * Kiểm tra hồ sơ lưu tại Sở Y tế	1			
6.6	Tổ chức tiếp nhận, giải quyết hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược: - Đúng quy định: 1 điểm - Không đúng quy định: mỗi hồ sơ sai bị trừ 0.25 điểm (tổng số điểm bị trừ không quá 1 điểm) * Kiểm tra hồ sơ lưu tại Sở Y tế	1			
6.7	Tổ chức tiếp nhận, giải quyết hồ sơ đề nghị đánh giá đáp ứng, duy trì đáp ứng thực hành tốt nhà thuốc (GPP). - Đúng quy định: 1 điểm - Không đúng quy định: mỗi hồ sơ sai bị trừ 0.25 điểm (tổng số điểm bị trừ không quá 1 điểm) * Kiểm tra hồ sơ lưu tại Sở Y tế	1			

Mục	Nội dung chấm điểm	Điểm chuẩn	Điểm SYT chấm	Điểm đoàn KT chấm	Ghi chú
6.8	Tổ chức tiếp nhận, giải quyết hồ sơ đề nghị đánh giá đáp ứng, duy trì đáp ứng thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc (GDP). - Đúng quy định: 1 điểm - Không đúng quy định: mỗi hồ sơ sai bị trừ 0.25 điểm (tổng số điểm bị trừ không quá 1 điểm) * Kiểm tra hồ sơ lưu tại Sở Y tế	1			
7	Triển khai thực hiện Đề án “Người Việt Nam ưu tiên dùng thuốc Việt Nam” trên địa bàn tỉnh: - Đã thành lập Ban chỉ đạo và tổ chức thực hiện: 1 điểm - Đã thành lập Ban chỉ đạo nhưng chưa tổ chức thực hiện: 0.5 điểm - Chưa thành lập: 0 điểm * Kiểm tra hồ sơ lưu tại Sở Y tế	1			
8	Xây dựng kế hoạch, biện pháp để đảm bảo cung ứng đủ thuốc thuốc trên địa bàn, đặc biệt là các thuốc hiếm, thuốc hạn chế nguồn cung: - Có xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện: 1 điểm - Có xây dựng kế hoạch nhưng chưa triển khai thực hiện: 0,5 điểm - Không xây dựng kế hoạch: 0 điểm * Kiểm tra bản kế hoạch, văn bản lưu tại Sở Y tế	1			
II	Kết quả chỉ đạo thực hiện công tác quản lý nhà nước về dược và mỹ phẩm của Sở Y tế trên địa bàn.	61			
1	Công tác chỉ đạo các đơn vị thực hiện quy định về quản lý dược, mỹ phẩm theo từng lĩnh vực:	42			
1.1	Công tác quản lý thuốc phải kiểm soát đặc biệt	3			
1.1.1	Thực hiện và chỉ đạo triển khai các văn bản quản lý về quản lý thuốc phải kiểm soát đặc biệt: - Có thực hiện: 1 điểm - Không thực hiện: 0 điểm * Kiểm tra văn bản lưu tại Sở Y tế	1			
1.1.2	Giải quyết đơn hàng mua thuốc gây	1			

Mục	Nội dung chấm điểm	Điểm chuẩn	Điểm SYT chấm	Điểm đoàn KT chấm	Ghi chú
	<p>nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất và báo cáo, kiểm tra:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đúng quy định: 1 điểm. - Không đúng quy định: mỗi hồ sơ sai bị trừ 0.25 điểm (tổng số điểm bị trừ không quá 1 điểm) <p>* Kiểm tra bản lưu tại Sở Y tế</p>				
1.1.3	<p>Chỉ đạo việc tổ chức cơ sở bán lẻ thuốc gây nghiện và nhượng thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất cho điều trị ngoại trú: 1 điểm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mỗi quận, huyện không có điểm bán lẻ thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất hoặc khoa dược bệnh viện không thực hiện nhượng thuốc gây nghiện cho điều trị ngoại trú trừ 0.2 điểm, tổng số điểm bị trừ không quá 1 điểm. <p>Điểm phạt: Trừ 1 điểm (-1) đối với Sở Y tế không tổ chức cơ sở bán lẻ thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất cho điều trị ngoại trú.</p> <p>* Kiểm tra báo cáo lưu tại Sở Y tế</p>	1			
1.2	Công tác quản lý chất lượng thuốc	8			
1.2.1	<p>Tổ chức thực hiện các văn bản quản lý về quản lý chất lượng thuốc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có thực hiện đầy đủ: 1 điểm. - Có thực hiện nhưng chưa đầy đủ: 0,5 điểm - Không thực hiện: 0 điểm <p>* Kiểm tra các văn bản lưu tại Sở Y tế</p>	1			
1.2.2	<p>Chỉ đạo, giám sát việc thu hồi thuốc không đạt tiêu chuẩn chất lượng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có văn bản chỉ đạo và thực hiện việc giám sát các đơn vị thu hồi kịp thời và có báo cáo về Cục QLD: 1 điểm - Chỉ có văn bản chỉ đạo, thực hiện giám sát, nhưng không báo cáo về Cục theo yêu cầu: 0.5 điểm. - Chỉ đạo, giám sát các đơn vị thu hồi không kịp thời: 0 điểm <p>Điểm phạt: Trừ 1 điểm (-1) đối với Sở Y tế không giám sát hoặc vẫn còn thuốc bị thu hồi lưu hành trên địa bàn</p> <p>* Kiểm tra các văn bản lưu tại Sở Y tế</p>	1			

Mục	Nội dung chấm điểm	Điểm chuẩn	Điểm SYT chấm	Điểm đoàn KT chấm	Ghi chú
1.2.3	Chỉ đạo công tác thực hiện “Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm thuốc - GLP” tại Trung tâm Kiểm nghiệm dược phẩm - mỹ phẩm. - Có chỉ đạo: 1 điểm - Không chỉ đạo: 0 điểm. * Kiểm tra công văn chỉ đạo lưu tại Sở Y tế.	1			
1.2.4	Trung tâm KNĐP:	2,5			
1.2.4.1	Xây dựng kế hoạch và tổ chức giám sát chất lượng thuốc, mỹ phẩm lưu hành tại địa phương: - Có thực hiện: 0,5 điểm - Không thực hiện: 0 điểm * Kiểm tra kế hoạch của Trung tâm kiểm nghiệm (trung tâm cung cấp cho Sở Y tế tổng hợp)	0,5			
1.2.4.2	Tỷ lệ mẫu được kiểm nghiệm đủ các chỉ tiêu (<i>Chỉ tính trên các mẫu lấy kiểm tra, giám sát chất lượng, không tính mẫu gửi, mẫu khảo sát theo chỉ đạo của Bộ Y tế hoặc theo các chương trình của Hệ thống kiểm nghiệm</i>): - Từ 80% số mẫu trở lên: 1 điểm - Từ 60%-80% số mẫu: 0.5 điểm - Dưới 60% số mẫu: 0 điểm * Kiểm tra báo cáo của Trung tâm kiểm nghiệm (trung tâm cung cấp cho Sở Y tế tổng hợp)	1			
1.2.4.3	Triển khai việc lấy mẫu kiểm tra chất lượng thuốc một cách có trọng tâm, trọng điểm: thuốc chứa hoạt chất kém bền vững, loại thuốc bị phát hiện có nhiều vi phạm hoặc thuốc của cơ sở có vi phạm chất lượng - Có trọng tâm, trọng điểm: 0.5 điểm - Không có trọng tâm, trọng điểm: 0 điểm * Kiểm tra số liệu của Trung tâm kiểm nghiệm (trung tâm cung cấp cho Sở Y tế tổng hợp)	0,5			
1.2.4.4	Chất lượng kết quả kiểm nghiệm - Kết quả kiểm nghiệm thuốc chính xác: 0,5 điểm - Có kết quả kiểm nghiệm, phân tích được xác định là không chính xác (sau khi có khiếu nại hoặc không có khiếu nại): 0 điểm	0,5			

Mục	Nội dung chấm điểm	Điểm chuẩn	Điểm SYT chấm	Điểm đoàn KT chấm	Ghi chú
	- Không phát hiện thuốc kém chất lượng, thuốc giả, nhưng kết quả kiểm tra giám sát chất lượng thuốc của Viện Kiểm nghiệm tại địa phương có phát hiện thuốc kém chất lượng, thuốc giả : trừ 0.5 điểm (-0.5)				
1.2.4.5	Điểm thưởng: Cộng 1 điểm (+1): Trung tâm đạt tiêu chuẩn GLP.				
1.2.5	Tổ chức thanh tra, kiểm tra chất lượng thuốc trên địa bàn: - Có tổ chức: 1 điểm - Không tổ chức: 0 điểm * Kiểm tra hồ sơ lưu tại Sở Y tế	1			
1.2.6	Báo cáo định kỳ, đột xuất công tác quản lý chất lượng thuốc trên địa bàn. - Báo cáo kịp thời: 1 điểm - Báo cáo không kịp thời: 0,5 điểm - Không báo cáo: 0 điểm * Kiểm tra các báo cáo lưu tại Sở Y tế	1			
1.2.7	Tổ chức quản lý liên ngành trong công tác phòng chống thuốc giả, thuốc không đạt chất lượng, thuốc không rõ nguồn gốc xuất xứ, không có hóa đơn chứng từ hợp lệ: - Có tổ chức: 0,5 điểm - Không tổ chức: 0 điểm * Kiểm tra các văn bản lưu tại Sở Y tế	0,5			
1.3	Công tác quản lý thông tin quảng cáo thuốc	3			
1.3.1	Tổ chức thực hiện các văn bản quản lý về quản lý thông tin quảng cáo thuốc. - Có thực hiện: 1 điểm. - Không thực hiện: 0 điểm * Kiểm tra các văn bản lưu tại Sở Y tế	1			
1.3.2	Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về thông tin quảng cáo thuốc trên địa bàn quản lý - Có tổ chức: 1 điểm - Không tổ chức: 0 điểm * Kiểm tra hồ sơ lưu tại Sở Y tế.	1			
1.3.3	Phối hợp liên ngành trong công tác quản lý thông tin quảng cáo thuốc: - Có phối hợp: 1 điểm - Không phối hợp: 0 điểm * Kiểm tra các văn bản lưu tại Sở Y tế.	1			
1.4	Công tác quản lý giá thuốc	4			

Mục	Nội dung chấm điểm	Điểm chuẩn	Điểm SYT chấm	Điểm đoàn KT chấm	Ghi chú
1.4.1	Tổ chức thực hiện các văn bản quản lý về quản lý giá thuốc: - Có thực hiện: 1 điểm. - Không thực hiện: 0 điểm * Kiểm tra các văn bản lưu tại Sở Y tế	1			
1.4.2	Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý giá thuốc: - Có tổ chức: 1 điểm - Không tổ chức: 0 điểm * Kiểm tra biên bản thanh tra, kiểm tra	1			
1.4.3	Phối hợp liên ngành trong công tác quản lý giá thuốc: - Có phối hợp: 1 điểm - Không phối hợp: 0 điểm * Kiểm tra các văn bản lưu tại Sở Y tế.	1			
1.4.4	Báo cáo giá thuốc sản xuất trong nước kê khai lại về Cục Quản lý Dược để công bố lên website của Cục quản lý Dược: - Báo cáo đầy đủ, kịp thời: 1 điểm - Báo cáo không đầy đủ, kịp thời: 0 điểm * Kiểm tra hồ sơ lưu tại Sở Y tế	1			
1.5	Công tác quản lý kinh doanh dược	5			
1.5.1	Tổ chức thực hiện các văn bản quản lý về kinh doanh dược tại các cơ sở kinh doanh dược: - Có thực hiện: 1 điểm. - Không thực hiện: 0 điểm * Kiểm tra hồ sơ lưu tại Sở Y tế	1			
1.5.2	Có kế hoạch cung ứng đủ thuốc đáp ứng nhu cầu phòng bệnh, chữa bệnh và công tác phòng chống thiên tai thảm họa: - Có kế hoạch: 1 điểm - Không có kế hoạch: 0 điểm * Kiểm tra kế hoạch lưu tại Sở Y tế.	1			
1.5.3	Chỉ đạo việc triển khai thực hiện GPP - Có chỉ đạo: 0.5 điểm - Không chỉ đạo: 0 điểm * Kiểm tra công văn chỉ đạo lưu tại Sở Y tế.	0,5			
1.5.4	Chỉ đạo việc triển khai thực hiện GDP - Có chỉ đạo: 0.5 điểm - Không chỉ đạo: 0 điểm * Kiểm tra công văn chỉ đạo lưu tại Sở Y tế.	0,5			
1.5.5	Công tác thanh tra, kiểm tra các cơ sở kinh doanh dược trên địa bàn: - Có tổ chức: 1 điểm	1			

Mục	Nội dung chấm điểm	Điểm chuẩn	Điểm SYT chấm	Điểm đoàn KT chấm	Ghi chú
	- Không tổ chức: 0 điểm * Kiểm tra biên bản thanh tra, kiểm tra				
1.5.6	Công tác phối hợp liên ngành trong quản lý cơ sở kinh doanh dược: - Có phối hợp: 1 điểm - Không tổ chức: 0 điểm * Kiểm tra biên bản thanh tra, kiểm tra	1			
1.6	Công tác đăng ký thuốc	3			
1.6.1	Tổ chức thực hiện các văn bản quản lý về đăng ký thuốc: - Có thực hiện: 1 điểm - Không thực hiện: 0 điểm * Kiểm tra văn bản lưu tại Sở Y tế	1			
1.6.2	Chỉ đạo các đơn vị thực hiện đúng các quy định về đăng ký, lưu hành thuốc - Có chỉ đạo: 1 điểm - Không chỉ đạo: 0 điểm * Kiểm tra công văn chỉ đạo lưu tại Sở Y tế.	1			
1.6.3	Thông báo các cập nhật về thông tin an toàn hiệu quả của thuốc đối với các thuốc đã được cấp phép lưu hành cho các đơn vị đăng ký và sản xuất thuốc trên địa bàn: - Thông báo đủ các thông tin: 1 điểm - Thông báo không đầy đủ, mỗi văn bản thiếu trừ 0.25 điểm, tổng số điểm trừ không quá 1 điểm * Kiểm tra biên bản và hồ sơ lưu tại Sở Y tế	1			
1.7	Công tác chỉ đạo đấu thầu:	4			
1.7.1	Tổ chức thực hiện đấu thầu mua thuốc hoặc chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tổ chức đấu thầu mua thuốc theo quy định. - Có tổ chức/chỉ đạo: 1 điểm - Không tổ chức/chỉ đạo: 0 điểm Điểm thưởng: Cộng 1 điểm (+1) đối với Sở Y tế đã tham mưu, đề xuất cho Ủy ban nhân dân tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức đấu thầu tập trung cung cấp tất cả thuốc cho tất cả các cơ sở y tế trên địa bàn. * Kiểm tra các văn bản chỉ đạo lưu tại Sở Y tế	1			
1.7.2	Tỷ lệ trị giá thuốc trong nước trong kết quả đấu thầu so với chỉ tiêu đã đề ra trong đề án “Người Việt Nam ưu tiên dùng thuốc Việt Nam”. - Đáp ứng chỉ tiêu của Đề án: 1 điểm	1			

Mục	Nội dung chấm điểm	Điểm chuẩn	Điểm SYT chấm	Điểm đoàn KT chấm	Ghi chú
	- Không đáp ứng: 0 điểm * Kiểm tra hồ sơ lưu tại Sở Y tế				
1.7.3	Thực hiện đúng quy định về việc báo cáo kết quả đấu thầu về Cục Quản lý dược sau khi có quyết định trúng thầu: - Báo cáo đúng thời gian quy định (trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có kết quả trúng thầu): 1 điểm - Báo cáo chưa đúng thời gian hoặc không báo cáo: 0 điểm - Điểm thưởng: Cộng 1 điểm (+1) đối với Sở Y tế có báo cáo tình hình vi phạm của các nhà thầu trong quá trình đấu thầu, cung ứng thuốc trong kỳ trước (nếu có). * Kiểm tra văn bản lưu tại Sở Y tế	1			
1.7.4	Thực hiện hoạt động kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy định về đấu thầu thuốc của các đơn vị trên địa bàn: - Có thực hiện: 1 điểm - Không thực hiện: 0 điểm * Kiểm tra hồ sơ lưu tại Sở Y tế.	1			
1.8	Công tác quản lý dược tại cơ sở Khám bệnh, chữa bệnh	6			
1.8.1	Tổ chức thực hiện các văn bản quản lý về công tác dược tại cơ sở Khám chữa bệnh - Có thực hiện: 1 điểm. - Không thực hiện: 0 điểm * Kiểm tra văn bản lưu tại Sở Y tế	1			
1.8.2	Chỉ đạo Hội đồng Thuốc và điều trị trong các bệnh viện đảm bảo việc sử dụng thuốc an toàn hợp lý: - Có chỉ đạo: 1 điểm - Không chỉ đạo: 0 điểm * Kiểm tra văn bản chỉ đạo lưu tại Sở Y tế.	1			
1.8.3	Chỉ đạo việc cung ứng đủ thuốc cho công tác phòng bệnh, chữa bệnh cho bệnh nhân nội trú và bệnh nhân ngoại trú có thẻ bảo hiểm y tế	1			
1.8.3.1	Xây dựng kế hoạch hoặc văn bản chỉ đạo cung ứng đủ thuốc cho bệnh nhân nội trú và bệnh nhân ngoại trú có thẻ bảo hiểm y tế. - Có kế hoạch/văn bản: 0,5 điểm - Không có kế hoạch/văn bản: 0 điểm	0,5			

Mục	Nội dung chấm điểm	Điểm chuẩn	Điểm SYT chấm	Điểm đoàn KT chấm	Ghi chú
	* Kiểm tra kế hoạch/văn bản của các cơ sở lưu tại Sở Y tế				
1.8.3.2	Tổ chức chỉ đạo các cơ sở Khám chữa bệnh xây dựng danh mục thuốc phù hợp với phân tuyến kỹ thuật: - Có chỉ đạo, hướng dẫn: 0,5 điểm - Không chỉ đạo, hướng dẫn: 0 điểm * Kiểm tra danh mục lưu tại Sở Y tế.	0,5			
1.8.4	Chỉ đạo cung ứng đủ thuốc theo danh mục cho bệnh nhân nội trú và bệnh nhân ngoại trú có thẻ BHYT, không để bệnh nhân tự mua. - Cung ứng đủ thuốc: 1 điểm Điểm phạt: Trừ 1 điểm (-1) Không cung ứng đủ * Kiểm tra hồ sơ, báo cáo lưu tại Sở Y tế	1			
1.8.5	Chỉ đạo việc thực hiện Quy chế Kê đơn thuốc trong điều trị ngoại trú - Có chỉ đạo: 0,5 điểm - Không chỉ đạo: 0 điểm * Kiểm tra văn bản chỉ đạo tại Sở Y tế.	0,5			
1.8.6	Chỉ đạo các giám đốc bệnh viện thực hiện đúng các quy định về hoạt động nhà thuốc bệnh viện - Có văn bản chỉ đạo: 0,5 điểm - Không có văn bản chỉ đạo: 0 điểm * Kiểm tra các văn bản chỉ đạo lưu tại Sở Y tế	0,5			
1.8.7	Chỉ đạo việc triển khai công tác dược lâm sàng tại các bệnh viện - Có văn bản chỉ đạo: 1 điểm - Không có văn bản chỉ đạo: 0 điểm * Kiểm tra các văn bản chỉ đạo lưu tại Sở Y tế	1			
1.9	Công tác thông tin thuốc và theo dõi phản ứng có hại của thuốc ADR:	2			
1.9.1	Công tác chỉ đạo các đơn vị theo dõi và báo cáo phản ứng có hại của thuốc ADR theo quy định: - Có chỉ đạo: 0,5 điểm - Không chỉ đạo: 0 điểm * Kiểm tra văn bản chỉ đạo lưu tại Sở Y tế.	0,5			
1.9.2	Phổ biến các thông tin thuốc và ADR của Cục QLD gửi tới các cơ sở KCB - Phổ biến kịp thời: 0,5 điểm - Phổ biến không kịp thời: 0,25 điểm - Không phổ biến: 0 điểm	0,5			

Mục	Nội dung chấm điểm	Điểm chuẩn	Điểm SYT chấm	Điểm đoàn KT chấm	Ghi chú
	* Kiểm tra công văn lưu tại Sở Y tế.				
1.9.3	Tổ chức các lớp tập huấn về thông tin thuốc và ADR: - Có tổ chức tập huấn: 0,5 điểm - Không tập huấn: 0 điểm * Kiểm tra hồ sơ lưu tại Sở Y tế.	0,5			
1.9.4	Kiểm tra công tác theo dõi ADR tại các đơn vị trên địa bàn: - Có kiểm tra: 0,5 điểm - Không tổ chức kiểm tra: 0 điểm * Kiểm tra hồ sơ tại Sở Y tế	0,5			
1.10	Công tác quản lý mỹ phẩm	4			
1.10.1	Chỉ đạo, phổ biến và triển khai việc thực hiện các văn bản quản lý về quản lý mỹ phẩm: - Có thực hiện: 1 điểm - Không thực hiện: 0 điểm * Kiểm tra văn bản lưu tại Sở Y tế	1			
1.10.2	Tổ chức thanh tra, kiểm tra giám sát hậu mại các cơ sở sản xuất, kinh doanh mỹ phẩm tại địa phương: - Có tổ chức: 1 điểm - Không tổ chức: 0 điểm * Kiểm tra biên bản thanh tra, kiểm tra	1			
1.10.3	Tổ chức phối hợp liên ngành trong công tác quản lý mỹ phẩm tại địa phương: - Có phối hợp: 1 điểm - Không phối hợp: 0 điểm * Kiểm tra văn bản lưu tại Sở Y tế.	1			
1.10.4	Công tác giám sát mỹ phẩm vi phạm bị thu hồi: + Có thực hiện: 1 điểm + Không thực hiện: 0 điểm * Kiểm tra văn bản lưu tại Sở Y tế.	1			
2.	Hiệu quả chỉ đạo thực hiện công tác quản lý nhà nước về dược, mỹ phẩm đối với Phòng y tế, cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở sản xuất, kinh doanh dược và cơ sở sản xuất, kinh doanh mỹ phẩm	19			
2.1	Phòng y tế	4			
2.1.1	Trình UBND huyện ban hành theo thẩm quyền các văn bản quản lý về dược, mỹ phẩm tại địa phương theo yêu cầu quản lý của UBND Huyện (nếu có).	1			

Mục	Nội dung chấm điểm	Điểm chuẩn	Điểm SYT chấm	Điểm đoàn KT chấm	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - $\geq 70\%$ số phòng y tế thực hiện: 1 điểm - 50%-69% số phòng y tế thực hiện: 0.5 điểm - $< 50\%$ số phòng y tế thực hiện: 0 điểm * Kiểm tra văn bản được ban hành (Phòng Y tế cung cấp cho Sở Y tế tổng hợp)				
2.1.2	Phổ biến, hướng dẫn tập huấn cho cơ sở kinh doanh dược, mỹ phẩm trên địa bàn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, các quy định mới ban hành về quản lý dược, mỹ phẩm: <ul style="list-style-type: none"> - $\geq 70\%$ số phòng y tế thực hiện: 1 điểm - 50%-69% số phòng y tế thực hiện: 0,5 điểm - $< 50\%$ số phòng y tế thực hiện: 0 điểm * Kiểm tra báo cáo của Phòng Y tế lưu tại Sở Y tế	1			
2.1.3	Tổ chức tự thanh tra, kiểm tra cơ sở kinh doanh dược, mỹ phẩm trên địa bàn <ul style="list-style-type: none"> - $\geq 70\%$ số phòng y tế thực hiện: 1 điểm - 50% - 69% số phòng y tế thực hiện: 0.5 điểm - $< 50\%$ số phòng y tế thực hiện: 0 điểm * Kiểm tra báo cáo của Phòng y tế lưu tại Sở Y tế	1			
2.1.4	Báo cáo thường xuyên định kỳ công tác quản lý nhà nước về dược, mỹ phẩm về Sở Y tế <ul style="list-style-type: none"> - $\geq 70\%$ số phòng y tế thực hiện: 1 điểm - 50% - 69% số phòng y tế thực hiện: 0.5 điểm - $< 50\%$ số phòng y tế thực hiện: 0 điểm * Kiểm tra báo cáo của Phòng Y tế lưu tại Sở Y tế	1			
2.2	Cơ sở Khám chữa bệnh	4			
2.2.1	Tổ chức thanh tra, kiểm tra công tác dược: Tổng số cơ sở được thanh tra, kiểm tra trong năm/tổng số cơ sở trên địa bàn (<i>Số liệu tính chung cho Sở Y tế, đoàn liên ngành & Phòng y tế</i>): <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra từ 90% số cơ sở trở lên: 2 điểm - Kiểm tra được 75% - 89% số cơ sở: 1 điểm - Kiểm tra được 50%- 74% số cơ sở: 0.5 điểm - Kiểm tra được dưới 50% số cơ sở: 0 điểm * Kiểm tra biên bản thanh tra, kiểm tra.	2			
2.2.2	Tỷ lệ % số cơ sở KCB được kiểm tra thực hiện đúng các quy định về dược/ Tổng số cơ sở KCB được thanh tra, kiểm tra trong năm:	2			

Mục	Nội dung chấm điểm	Điểm chuẩn	Điểm SYT chấm	Điểm đoàn KT chấm	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ $\geq 80\%$: 2 điểm - Tỷ lệ từ 70% - 79%: 1 điểm - Tỷ lệ $< 70\%$: 0 điểm <p>* Căn cứ số liệu tổng kết công tác thanh tra cuối năm của Sở Y tế (số liệu tính chung cho cả Sở Y tế và đoàn liên ngành)</p>				
2.3	Cơ sở sản xuất kinh doanh dược	8			
2.3.1	<p>Kiểm tra các cơ sở sản xuất thuốc: Tỷ lệ % cơ sở được kiểm tra/ Tổng số cơ sở sản xuất trên địa bàn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra $\geq 90\%$ số cơ sở: 2 điểm - Kiểm tra được 75% - 89% số cơ sở: 1 điểm - Kiểm tra được 50% - 74% số cơ sở: 0.5 điểm - Kiểm tra được dưới 50% số cơ sở: 0 điểm <p>* Kiểm tra biên bản lưu tại Sở Y tế</p>	2			
2.3.2	<p>Kiểm tra các cơ sở bán buôn thuốc: Tỷ lệ % số cơ sở bán buôn được kiểm tra/ Tổng số cơ sở bán buôn trên địa bàn (Số liệu tính chung cho cả Sở Y tế, đoàn liên ngành và Phòng Y tế).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra $\geq 70\%$ số cơ sở: 2 điểm - Kiểm tra được 50%- 69% số cơ sở: 1 điểm - Kiểm tra được 30% - 49% số cơ sở: 0.5 điểm - Kiểm tra được dưới 30% số cơ sở: 0 điểm <p>* Kiểm tra biên bản lưu tại Sở Y tế.</p>	2			
2.3.3	<p>Kiểm tra các cơ sở bán lẻ thuốc: Tỷ lệ % số cơ sở bán lẻ được kiểm tra/tổng số cơ sở bán lẻ trên địa bàn (Số liệu tính chung cho cả Sở Y tế, đoàn liên ngành và Phòng Y tế)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra $\geq 70\%$ số cơ sở: 2 điểm - Kiểm tra được 50% - 69% số cơ sở: 1 điểm - Kiểm tra được 30% - 49% số cơ sở: 0.5 điểm - Kiểm tra được dưới 30% số cơ sở: 0 điểm <p>* Kiểm tra biên bản lưu tại Sở Y tế.</p>	2			
2.3.4	<p>Tỷ lệ % số cơ sở SX, KD được kiểm tra thực hiện đúng các quy định về dược/ Tổng số cơ sở SXKD được thanh tra, kiểm tra trong năm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ $\geq 80\%$: 2 điểm - Tỷ lệ từ 70% - 79%: 1 điểm - Tỷ lệ $< 70\%$: 0 điểm <p>* Căn cứ số liệu tổng kết công tác thanh tra cuối năm của Sở Y tế</p>	2			
2.4	Cơ sở sản xuất, kinh doanh mỹ phẩm	3			

Mục	Nội dung chấm điểm	Điểm chuẩn	Điểm SYT chấm	Điểm đoàn KT chấm	Ghi chú
2.4.1	Kiểm tra hậu mại cơ sở sản xuất, kinh doanh mỹ phẩm trên địa bàn trong năm - Kiểm tra được $\geq 40\%$ số cơ sở: 2 điểm - Kiểm tra được 25% - 39% số cơ sở: 1 điểm - Kiểm tra được dưới 25% số cơ sở: 0 điểm * Kiểm tra biên bản kiểm tra lưu tại Sở Y tế	2			
2.4.2	Tỷ lệ % số cơ sở sản xuất, kinh doanh được kiểm tra thực hiện đúng các quy định về mỹ phẩm/ Tổng số cơ sở sản xuất, kinh doanh mỹ phẩm được thanh tra, kiểm tra trong năm: - Tỷ lệ $\geq 80\%$: 1 điểm - Tỷ lệ từ 70% - 79%: 0.5 điểm - Tỷ lệ $< 70\%$: 0 điểm * Căn cứ số liệu tổng kết công tác thanh tra cuối năm của Sở Y tế	1			
III	Công tác thống kê, tổng hợp, báo cáo:	4			
1	Công tác thống kê định kỳ 6 tháng, 1 năm theo quy định: - Có đủ báo cáo: 2 điểm - Không đủ báo cáo: 1 điểm - Không thống kê, báo cáo: 0 điểm * Kiểm tra báo cáo lưu tại Sở Y tế.	2			
2	Gửi báo cáo tổng kết công tác dược và mỹ phẩm định kỳ 6 tháng, 1 năm về Bộ Y tế (Cục QLD): - Gửi đủ báo cáo và đúng thời hạn: 2 điểm - Gửi đủ báo cáo và không đúng thời hạn: 1 điểm - Không gửi báo cáo: 0 điểm * Kiểm tra báo cáo lưu tại Sở Y tế	2			
IV	Công tác đào tạo, quy hoạch cán bộ	4			
1	Xây dựng quy hoạch cán bộ dược: - Có xây dựng: 1 điểm - Không xây dựng: 0 điểm *Kiểm tra quy hoạch lưu tại Sở Y tế	1			Về chỉ tiêu biên chế, quy hoạch lãnh đạo, quản lý
2	Tổ chức tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ dược: - Có tổ chức: 1 điểm - Không tổ chức: 0 điểm *Kiểm tra biên bản lưu tại Sở Y tế	1			
3	Cử cán bộ làm công tác dược đi đào tạo	1			

Mục	Nội dung chấm điểm	Điểm chuẩn	Điểm SYT chấm	Điểm đoàn KT chấm	Ghi chú
	chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý hành chính nhà nước, ngoại ngữ: - Có cử cán bộ: 1 điểm - Không cử cán bộ: 0 điểm * Kiểm tra công văn, hồ sơ lưu tại Sở Y tế				
4	Chủ trì/phối hợp triển khai đề tài nghiên cứu khoa học có liên quan đến lĩnh vực dược đã được nghiệm thu trong năm hoặc đang được triển khai đúng tiến độ. - Có đề tài: 1 điểm - Không có đề tài: 0 điểm. * Kiểm tra hồ sơ lưu tại Sở Y tế.	1			
V	Công tác cải cách hành chính tại Sở Y tế	5			
1	Triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính trong lĩnh vực dược và mỹ phẩm, tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định công bố danh mục các thủ tục hành chính (TTHC) liên quan đến lĩnh vực dược và mỹ phẩm thuộc phạm vi quản lý của Sở Y tế. - Có tổ chức: 1 điểm - Không tổ chức: 0 điểm * Kiểm tra hồ sơ lưu tại Sở Y tế.	1			
2	Triển khai thực hiện việc niêm yết công khai các TTHC liên quan đến lĩnh vực dược và mỹ phẩm thuộc phạm vi quản lý của Sở Y tế và tiếp nhận phản ánh kiến nghị theo quy định. - Có niêm yết và niêm yết đủ các TTHC: 1 điểm - Có niêm yết nhưng không đủ, mỗi TTHC niêm yết thiếu trừ 0.25 điểm, tổng số điểm trừ không quá 1 điểm * Kiểm tra việc niêm yết tại Sở Y tế	1			
3	Ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm tác nghiệp trong công tác quản lý dược và mỹ phẩm. - Có ứng dụng: 1 điểm. - Không ứng dụng: 0 điểm Điểm thưởng: Cộng 1 điểm (+1) đối với Sở Y tế triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 4. * Kiểm tra thực tế tác nghiệp tại Sở Y tế.	1			

Mục	Nội dung chấm điểm	Điểm chuẩn	Điểm SYT chấm	Điểm đoàn KT chấm	Ghi chú
4	<p>Đăng tải, cập nhật thường xuyên các kết quả tiếp nhận, giải quyết các loại hồ sơ trên Website của Sở Y tế.</p> <p>- Đăng tải, cập nhật đầy đủ: 1 điểm</p> <p>- Đăng tải, cập nhật nhưng chưa đầy đủ: 0,5 điểm</p> <p>- Không đăng tải, cập nhật: 0 điểm</p>	1			
5	<p>Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 trong công tác quản lý nhà nước về dược và mỹ phẩm của Sở Y tế:</p> <p>- Có Quyết định công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001:2015: 1 điểm.</p> <p>- Không có Quyết định: 0 điểm.</p> <p>* Kiểm tra Quyết định tại Sở Y tế</p>	1			
	Tổng điểm chuẩn	100			
	Tổng điểm chấm				
	Tổng điểm phạt	4			
	Tổng điểm thưởng	4			
	Tổng điểm tự kiểm tra				
	Xếp loại				

*** Ghi chú:**

- Cách tính điểm và phân loại theo công văn hướng dẫn.
- Phòng Y tế: Được hiểu là Phòng Y tế huyện/quận hoặc đơn vị chuyên môn giúp UBND cấp huyện thực hiện quản lý nhà nước về y tế trên địa bàn (trong trường hợp không tổ chức Phòng Y tế).

....., ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị